

DANH SÁCH XẾP HẠNG VÒNG 9

STT	Tên đăng nhập	Họ tên	Tên Lớp	Số câu đúng	Số câu sai	Tổng số giây suy nghĩ	Thứ hạng	Số trận tham dự
1	ntt12-2039	Nguyễn Đức Nguyên Khang	1a4	50	0	567	4	1
2	ntt12-1900	Nguyễn Hòa Khánh	1a1	50	0	974	70	1
3	ntt12-1920	Nguyễn Nghiêm Hoàng Sơn	1a1	50	0	1009	73	1
4	ntt12-1945	Trần Gia Linh	1a2	50	0	1115	87	1
5	ntt12-2064	Phạm Gia Bảo	1a4	49	1	718	126	1
6	ntt12-1894	Đào Minh Đức	1a1	49	1	857	155	1
7	ntt12-2274	Đình Anh Hải	1a1	49	0	1183	246	1
8	ntt12-1962	Nguyễn Khánh Chi	1a2	48	2	790	277	1
9	ntt12-2066	Hoàng Nhật Minh	1a4	48	2	836	285	1
10	ntt12-1952	Đỗ Quốc Huy	1a2	48	1	1159	373	1
11	ntt12-2023	Nguyễn Phương Thảo	1a4	47	3	774	413	1
12	ntt12-1966	Lê Minh Châu	1a2	47	3	900	430	1
13	ntt12-1915	Trần Kiệt Nguyên	1a1	47	3	1150	482	1
14	ntt12-1883	Đình Bảo Anh	1a1	46	4	1094	556	1
15	ntt12-2035	Ngô Bảo Minh	1a4	46	2	1110	560	1
16	ntt12-1943	Nguyễn Anh Kiệt	1a2	45	5	993	644	1
17	ntt12-2058	Nguyễn Nam Anh	1a4	45	5	1021	647	1
18	ntt12-2258	Nguyễn Phương Linh	1a1	45	1	1173	696	1
19	ntt12-2040	Nguyễn Tá An Khoa	1a4	44	6	960	726	1
20	ntt12-2026	Nguyễn Anh Quân	1a4	44	6	1058	734	1
21	ntt12-2022	Nguyễn Hương Trà	1a4	44	2	1150	754	1
22	ntt12-2025	Phạm Gia Phú	1a4	43	7	613	804	1
23	ntt12-2030	Nguyễn Hiến Minh	1a4	43	3	1145	844	1
24	ntt12-1960	Trương Quang Đăng	1a2	42	8	1039	894	1
25	ntt12-1902	Nguyễn Quỳnh Lê	1a1	42	1	1169	920	1
26	ntt12-2044	Nguyễn Sơn Hải	1a4	41	2	1152	979	1
27	ntt12-1908	Chử Hoàng Nam	1a1	41	8	1174	1001	1

28	ntt12-1946	Vũ Hà Linh	1a2	41	2	1178	1004	1
29	ntt12-1898	Ngô Minh Hiếu	1a1	41	0	1179	1005	1
30	ntt12-1972	Lê Đức Anh	1a2	40	10	1070	1025	1
31	ntt12-1989	Trịnh Bảo Châu	1a3	40	3	1171	1057	1
32	ntt12-1916	Phạm Linh Nhi	1a1	40	3	1187	1072	1
33	ntt12-2056	Nguyễn Hoàng Anh	1a4	39	6	1162	1098	1
34	ntt12-1961	Nguyễn Ngân Châu	1a2	38	2	1103	1133	1
35	ntt12-1891	Nguyễn Lê Minh Châu	1a1	38	4	1151	1140	1
36	ntt12-1959	Nguyễn Thành Đạt	1a2	38	7	1172	1156	1
37	ntt12-1931	Thạch Anh Thư	1a2	37	12	1155	1194	1
38	ntt12-1957	Trần Bảo Duy	1a2	37	7	1174	1214	1
39	ntt12-1924	Hà Vũ Trung	1a1	37	9	1179	1219	1
40	ntt12-2037	Nguyễn Minh Khuê	1a4	37	11	1189	1225	1
41	ntt12-2020	Nguyễn Minh Tuệ	1a4	36	14	1144	1242	1
42	ntt12-1969	Nguyễn Phương Anh	1a2	36	2	1161	1254	1
43	ntt12-1887	Nguyễn Yến An Anh	1a1	35	12	1154	1291	1
44	ntt12-1942	Phạm Nhật Minh	1a2	35	3	1189	1311	1
45	ntt12-2043	Phạm Quốc Dương	1a4	34	1	1152	1326	1
46	ntt12-2032	Nguyễn Kiều Thảo My	1a4	34	9	1181	1347	1
47	ntt12-2061	Lê Nguyễn Khánh An	1a4	33	2	1183	1384	1
48	ntt12-1918	Đỗ Tố Quyên	1a1	32	7	1179	1411	1
49	ntt12-2036	Hoàng Trà Mi	1a4	30	9	1147	1457	1
50	ntt12-2059	Thẩm Minh An	1a4	29	21	927	1468	1
51	ntt12-2060	Trần Thị Khánh An	1a4	26	24	892	1522	1
52	ntt12-1914	Trần Đăng Nguyên	1a1	26	1	1157	1530	1
53	ntt12-2028	Hà Gia Nhi	1a4	25	5	1161	1541	1
54	ntt12-2057	Nguyễn Hùng Anh	1a4	23	6	1170	1568	1
55	ntt12-2055	Nguyễn Tuệ Anh	1a4	18	0	1163	1603	1
56	ntt12-2033	Trần Huyền My	1a4	6	13	474	1630	1
57	ntt12-2062	Hoàng Công Nam Anh	1a4	4	0	515	1634	1